

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA22DDA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 01 / 2024

Phòng thi: D71-108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115422001	Mai Nhã An	27/03/2004	Nữ	9.0	4.5	6.8	001			
2	115422003	Nguyễn Ngọc Như Anh	08/07/2004	Nữ	9.5	3.8	6.7	002			
3	115422004	Nguyễn Trần Tuyết Anh	25/04/2003	Nữ	8.8	4.0	6.4	003			
4	115422006	Trần Nhật Anh	24/01/2004	Nữ	8.8	4.8	6.8	004			
5	115422009	Phan Thị Mộng Cẩm	06/03/2004	Nữ	9.5	2.5	6.0	005			
6	115422012	Vương Châu	30/10/2004	Nam	9.5	5.3	7.4	006			
7	115422013	Phan Lê Chi	03/06/2004	Nữ	8.8	3.3	6.1	007			
8	115422015	Kim Thị Ry Đa	16/10/2004	Nữ	10.0	3.5	6.8	008			
9	115422017	Thạch Hồng Diệp	30/01/2004	Nữ	9.5	3.8	6.7	009			
10	115422021	Nguyễn Thị Thúy Duy	14/10/2004	Nữ	8.8	5.0	6.9	010			
11	115422023	Hà Huỳnh Giao	03/01/2004	Nữ	9.5	3.8	6.7	011			
12	115422027	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10/02/2004	Nữ	9.5	4.0	6.8	012			
13	115422029	Bùi Ngọc Kim Hiền	05/10/2004	Nữ	9.8	4.0	6.7	013			
14	115422030	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	20/12/2004	Nữ	9.5	3.8	6.7	014			
15	115422033	Thạch Thị Ngân Huệ	15/01/2004	Nữ	8.8	3.3	6.1	015			
16	115422034	Lê Diễm Hương	06/01/2004	Nữ	8.0	3.3	5.7	016			
17	115422035	Phạm Thị Cẩm Hương	05/05/2004	Nữ	9.5	5.0	7.3	017			
18	115422036	Nguyễn Mỹ Hường	12/09/2004	Nữ	10.0	7.8	8.9	018			
19	115422037	Đào Nguyễn Quốc Huy	29/07/2004	Nam	9.0	4.5	6.8	019			
20	115422038	Đỗ Thị Mỹ Huỳnh	29/09/2004	Nữ	9.8	4.8	7.3	020			
21	115422039	Thạch Dù Keven	07/12/2004	Nam	9.0	2.8	5.9	021			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21

Tổng số tờ: 21

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 80 %; Điểm KT: 80 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

28/1

D 71.109

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA22DDA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: T.Ấu nghiêm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28 / 01 / 2024

Phòng thi: D 71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115422040	Huỳnh Mộng Kha	07/12/2004	Nữ	9.5	4,0	6.8	001	<i>[Signature]</i>		
2	115422041	Huỳnh Phúc Khang	07/06/2004	Nam	8.8	3,3	6.1	002	<i>Khang</i>		3.3
3	115422042	Lê Nhựt Khang	26/06/2004	Nam	9.0	3,0	6.0	003	<i>Khang</i>		
4	115422063	Thạch Thị Sô Phi Na	06/01/2004	Nữ	8.8	4,00	6.3	004	<i>SP</i>		3.8
5	115422119	Trần Thị Anh Thư	13/01/2004	Nữ	9.5	4,3	6.9	005	<i>Thư</i>		4.3
6	115422149	Dương Thị Tường Vy	13/08/2004	Nữ	9.8	3,3	6.6	006	<i>Vy</i>		3.3
7	115422160	Lê Gia Bảo	01/01/2004	Nam	10.0	5,0	7.9	007	<i>ly</i>		5.8
8	115422164	Ngô Yến Lam	14/03/2004	Nữ	9.0	5,5	7.3	008	<i>Lam</i>		
9	115422168	Lê Huỳnh Như	29/05/2004	Nữ	10.0	6,5	8.3	009	<i>huu</i>		
10	115422169	Thạch Hoàng Phúc	15/06/2004	Nam	9.5	3,3	6.4	010	<i>Phuc</i>		
11	115422172	Giảng Thị Lan Tiên	12/02/2004	Nữ	-	-	-	-			<i>Cầm Thi</i>
12	115422174	Kim Thị Ngọc Trâm	28/05/2004	Nữ	9.5	6,0	7.8	012	<i>Tram</i>		
13	115422175	Nguyễn Thanh Trúc	15/04/2004	Nữ	9.8	7,5	8.7	013	<i>True</i>		
14	115422179	Nguyễn Thị Hồng Duyên	13/03/2004	Nữ	9.5	4,8	7.2	014	<i>Duyen</i>		4.8
15	115422180	Nguyễn Thị Trà Giang	13/07/2004	Nữ	9.5	5,0	7.3	015	<i>Tram</i>		
16	115422181	Trần Khánh Hân	22/09/2004	Nữ	10.0	4,5	7.3	016	<i>Han</i>		
17	115422182	Nguyễn Nhật Huy	27/01/2004	Nam	9.3	3,5	6.4	017	<i>Huy</i>		
18	115422183	Tạ Trung Kiên	14/11/2004	Nam	9.0	3,5	6.3	018	<i>Kien</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17

Tổng số tờ: 17

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ái Mỹ

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: hok

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

2711

071.110

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA22DDB

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27/01/2024

Phòng thi: 071.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115422046	Lê Châu Kiệt	09/12/2004	Nam	9.5	4.3	6.9	001	<u>Châu</u>		
2	115422048	Thái Thị Thanh Kiều	10/01/2004	Nữ	9.5	3.8	6.7	002	<u>Thái</u>		
3	115422049	Võ Thị Tố Lan	22/01/2004	Nữ	9.5	3.5	6.5	003	<u>Tố Lan</u>		
4	115422050	Dương Thị Lanh	19/11/2004	Nữ	9.5	4.0	6.8	003	<u>Lanh</u>		
5	115422052	Kiên Thị Phương Linh	19/11/2004	Nữ	9.5	3.8	6.7	005	<u>Linh</u>		
6	115422053	Trần Lâm Thảo Linh	18/02/2004	Nữ	9.5	5.0	7.3	006	<u>Thảo</u>		
7	115422055	Kim Phi Long	22/12/2003	Nam	9.5	4.0	6.8	007	<u>Phi</u>		
8	115422056	Lê Hoàng Long	12/11/2004	Nam	9.5	4.0	6.8	008	<u>Hoàng</u>		
9	115422057	Kim Duy Luân	15/02/2003	Nam	9.5	3.3	6.4	009	<u>Duy</u>		
10	115422058	Võ Thị Cẩm Ly	07/03/2004	Nữ	9.5	5.5	7.5	010	<u>Cẩm</u>		
11	115422059	Võ Thị Trúc Mai	26/11/2002	Nữ	9.5	5.5	7.5	011	<u>Trúc</u>		
12	115422060	Nguyễn Ngọc Kiều My	13/12/2004	Nữ	9.5	5.0	7.3	012	<u>Kiều</u>		
13	115422061	Lư Gia Mỹ	05/10/2004	Nữ	9.0	4.5	6.8	013	<u>Gia</u>		
14	115422064	Bùi Ngọc Nam	23/09/2004	Nữ	9.3	7.3	8.3	014	<u>Ngọc</u>		
15	115422065	Nguyễn Thị Thanh Nga	05/10/2004	Nữ	9.8	5.8	7.8	015	<u>Thanh</u>		
16	115422067	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	04/12/2004	Nữ	10.0	6.3	8.2	016	<u>Ngân</u>		
17	115422070	Võ Đặng Khang Nghi	04/11/2004	Nữ	10.0	6.8	8.4	017	<u>Khang</u>		
18	115422071	Đỗ Thị Mỹ Ngọc	31/10/2004	Nữ	9.3	5.5	7.4	018	<u>Mỹ</u>		
19	115422072	Kim Thị Thúy Ngọc	19/05/2004	Nữ							
20	115422074	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	13/02/2004	Nữ	10.0	5.8	7.9	020	<u>Bảo</u>		
21	115422075	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	12/04/2004	Nữ	9.5	4.0	6.8	021	<u>Mỹ</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Chính

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Đào Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Luê

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA22DDB

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá:.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27/01/2024

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115422077	Trương Yến Ngọc	11/11/2004	Nữ	10.0	3,3	6,7	001			
2	115422078	Huỳnh Thanh Thảo Nguyên	28/02/2004	Nữ	9.3	5,0	7,2	002			
3	115422079	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	08/03/2004	Nữ	9.5	2,3	5,9	003			
4	115422080	Trừ Thị Kim Nguyên	06/12/2004	Nữ	9.0	7,3	8,2	004			
5	115422086	Thạch Thị Bình Nhi	13/06/2004	Nữ	9.5	3,3	6,4	005			
6	115422088	Nguyễn Thị Hồng Nhung	06/10/2004	Nữ	9.3	3,3	6,3	006			
7	115422091	Lê Hữu Hưng Phát	16/12/2004	Nam	9.5	4,3	6,9	007			
8	115422092	Huỳnh Thị Yến Phụng	17/07/2004	Nữ	9.3	2,3	5,8	008			
9	115422093	Đoàn Thị Trúc Phương	25/01/2004	Nữ	9.5	4,5	7,0	009			
10	115422095	Trần Thị Hồng Phương	30/05/2004	Nữ	9.5	4,5	7,0	010			
11	115422096	Kim Thị Bích Phương	11/01/2004	Nữ	9.3	4,0	6,7	011			
12	115422097	Kim Thị Trúc Phương	02/03/2004	Nữ	9.5	3,5	6,5	012			
13	115422098	Đặng Thái Quý	08/12/2004	Nam	9.3	4,3	6,8	013			
14	115422100	Huỳnh Phương Quyên	02/02/2004	Nữ	10.0	3,3	6,7	014			
15	115422178	Danh In	18/11/2001	Nam	10.0	4,5	7,3	015			
16	115422186	Nguyễn Hồ Năng Lượng	07/06/2003	Nam	8.8	5,0	6,9	016			
17	115422187	Nguyễn Thái Ngọc Mai	18/01/2004	Nữ	9.8	5,0	7,4	017			

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....17

Tổng số sv, hs dự đánh giá:17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....17.

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA22DDC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
28/01/2023

Phòng thi: D81.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	115422020	Trần Thị Thủy Dương	09/04/2004	Nữ	9.0	4.8	6.9	001	<u>Thủy</u>		
2	115422082	Lê Thanh Nhân	29/09/2004	Nữ	9.0	6.5	7.8	002	<u>Nh</u>		
3	115422084	Lê Thị Yến Nhi	01/05/2004	Nữ	9.3	6.5	7.9	003	<u>Nh</u>		
4	115422102	Nguyễn Thị Kim Quyên	24/09/2004	Nữ	10.0	5.3	7.7	004	<u>Quyên</u>		
5	115422103	Phan Thị Hồng Quyên	02/12/2004	Nữ	9.5	5.3	7.4	005	<u>Quyên</u>		
6	115422106	Kim Thị Gia Rai	23/09/2004	Nữ	—	—	—	—	—		<u>Kim Rai</u>
7	115422108	Nguyễn Duy Tân	18/07/2004	Nam	8.8	4.3	6.6	007	<u>Duy Tân</u>		
8	115422109	Trần Văn Tân	04/11/2004	Nam	8.8	4.0	6.4	008	<u>Tân</u>		
9	115422110	Thạch Thị Rót Tha	08/12/2004	Nữ	—	—	—	—	—		<u>Thạch Tha</u>
10	115422111	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/06/2004	Nữ	9.8	4.8	7.3	010	<u>Th</u>		
11	115422121	Kim Ngọc Thuận	21/01/2004	Nam	9.3	3.5	6.4	011	<u>Nh</u>		
12	115422124	Đặng Thị Cẩm Tiên	16/10/2004	Nữ	9.3	5.3	7.3	012	<u>Đ</u>		
13	115422129	Trần Thị Bảo Trâm	18/04/2004	Nữ	9.0	6.3	7.7	013	<u>Tr</u>		
14	115422130	Đặng Thị Huyền Trân	02/10/2004	Nữ	9.0	5.5	7.3	014	<u>Đ</u>		
15	115422131	Huỳnh Thị Quế Trân	02/02/2004	Nữ	9.8	5.3	7.6	015	<u>Tr</u>		
16	115422132	Nguyễn Thị Huyền Trân	19/03/2004	Nữ	10.0	6.0	8.0	016	<u>Tr</u>		
17	115422133	Nguyễn Thị Huyền Trân	29/08/2004	Nữ	9.0	4.5	6.8	017	<u>Nh</u>		
18	115422134	Đặng Thị Thủy Trang	12/09/2004	Nữ	9.3	4.5	6.9	018	<u>Đ</u>		
19	115422135	Trần Đại Tri	09/08/2004	Nam	9.3	4.5	6.9	019	<u>Tr</u>		
20	115422136	Nguyễn Đỗ Trọng	08/01/2004	Nam	9.5	5.8	7.7	020	<u>Nh</u>		
21	115422137	Trần Huỳnh Khả Tú	21/03/2004	Nữ	8.8	5.3	7.1	021	<u>Tr</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Lê Anh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Trần

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA22DDC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 01 / 2024

Phòng thi: 071113

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115422138	Phạm Minh	Tuấn	01/07/2004	Nam	9.3	3,8	6,6	001	<u>Đ</u>		
2	115422140	Huỳnh Kim Minh	Tùng	21/10/2004	Nam	9.5	5,5	7,5	002	<u>Minh</u>		
3	115422141	Hà Thị Ánh	Tuyền	24/02/2004	Nữ	9.5	4,8	7,2	003	<u>Ánh</u>		
4	115422142	Lâm Thị Bích	Tuyền	20/04/2004	Nữ	10.0	6,3	8,2	004	<u>Nguyễn</u>		
5	115422143	Ngô Thanh	Tuyền	17/01/2004	Nữ							
6	115422144	Nguyễn Thị Mỹ	Tuyền	13/04/2004	Nữ	9.3	5,3	7,3	006	<u>Nguyễn</u>		Cẩn Kì
7	115422147	Tạ Minh	Vân	17/02/2004	Nữ	9.5	5,0	7,3	007	<u>Minh</u>		
8	115422148	Tiêu Hùng Gia	Vương	21/12/2004	Nữ	9.5	4,5	7,0	008	<u>Nguyễn</u>		
9	115422151	Nguyễn Ngọc Triều	Vy	10/07/2003	Nữ							Cẩn Kì
10	115422153	Trương Thị Cúc	Xinh	19/10/2004	Nữ	10.0	7,5	8,8	010	<u>Xinh</u>		
11	115422154	Bùi Thanh	Xuân	16/10/2004	Nữ	9.8	4,3	7,1	011	<u>Xuân</u>		Cẩn Kì
12	115422155	Thạch Thị Ngọc	Xuân	04/09/2004	Nữ							
13	115422156	Nguyễn Thị Bảo	Xuyên	27/04/2004	Nữ	10.0	6,5	8,3	013	<u>Nguyễn</u>		
14	115422157	Trần Thị Như	Ý	02/04/2004	Nữ	9.5	4,0	6,8	014	<u>Nguyễn</u>		
15	115422158	Nguyễn Thị Bảo	Yến	27/02/2004	Nữ	9.3	6,0	7,7	015	<u>Yến</u>		
16	115422189	Trần Thị Yến	Như	04/06/2004	Nữ	9.0	4,3	6,7	016	<u>Nguyễn</u>		
17	115422190	Trần Thanh	Thư	29/12/2004	Nữ	8.3	3,5	5,9	017	<u>Thanh</u>		
18	115422191	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	18/08/2004	Nữ	8.8	3,8	6,3	018	<u>Tiên</u>		
19	115422192	Huỳnh Thị Huyền	Trang	19/06/2004	Nữ							Cẩn Kì
20	115422193	Nguyễn Thị Khánh	Vy	02/07/2003	Nữ	9.0	3,3	6,2	020	<u>Vy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ: 16

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Đoàn Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA22YKA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: STN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.11.4

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022026	Huỳnh Quốc	Đạt	22/01/2004	Nam	9.3	5.5	7.4	007	Đạt		
2	116022038	Lê Bảo	Duy	18/11/2004	Nam	10.0	6.0	8.0	008			
3	116022046	Phó Mỹ	Duyên	16/11/2004	Nữ	10.0	6.3	8.2	009	Duyên		
4	116022049	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	16/06/2003	Nữ	9.5	6.8	8.2	010	Ng		
5	116022244	Thạch Thị Hồng	Duyên	15/12/2003	Nữ	9.8	6.3	8.1	011	Thạch Thị Hồng		
6	116022268	Nguyễn Minh	Trí	30/12/2003	Nam	9.3	6.3	7.8	012	Trí		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06

Tổng số tờ: ✓

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Chu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Chu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Chu

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA22KTHY

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 01 / 2024

Phòng thi: D21.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118422002	Phạm Xuân	Anh	29/01/2004	Nữ	10.0	9,0	9,5	005	<u>Xy</u>		
2	118422029	Lữ Tùng	Khuê	29/05/2004	Nữ	10.0	7,8	8,9	006	<u>Xy</u>		
3	118422039	Nguyễn Nhã	Kỳ	07/01/2004	Nữ	10.0	6,8	8,4	013	<u>Kỳ</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: ✓

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA20YKC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

27/1

D71.114

Hình thức đánh giá: Giáo trình

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....27.....01.....2024.....

Phòng thi: D71.114.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chi
1	116020470	Phan Văn Trung	Nam	27/06/2002	Nam	9.8	6.3	8.1	001		
2	116020606	Võ Huỳnh Quế	Trần	26/10/2002	Nữ	10.0	7.3	8.7	002		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA21DDA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115421056	Trần Thị Thanh Ngân	26/09/2003	Nữ	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>			<u>Chữ ký</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: /

Điểm QT: 80 %; Điểm KT: 80 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Chữ ký Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Chữ ký Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Chữ ký

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA21YKD

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....27...../.....01...../.....2024.....

Phòng thi:.....D71.114.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi trợ SV	Gh chu
1	116021325	Nguyễn Tân Thành Long	21/04/2002	Nam	✓	✓	✓	✓		Can	Ku

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:00.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....00.....

Tổng số tờ:.....✓.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày15..... tháng02..... năm2024.....

Cán bộ coi thi 1:.....Thầy Cao Dương Phương Lan.....

Cán bộ ghi điểm:.....Thầy Cao Dương Phương Lan.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....Thầy.....